TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-PT
Ngày: 03/01/2023
Về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Kim
2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2022 và ngày 03/01/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 193/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Toà án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6073/2022/QĐXXPT-DS ngày 02/12/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Quách Văn T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 763/5/9A CT, phường TT, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Thế B – Công ty Luật TNHH TT– Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Quách Văn T1, sinh năm 1962

Địa chỉ: 46/1 ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lê Văn D, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 19 NVL, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 67 IK, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trương Văn T4 – Văn phòng Luật sư TSG– Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Quách Hoàng Đ, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: 1/2 TK, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961 (vắng mặt)

3.3. Bà Quách Ngọc Thanh T2, sinh năm 1991 (vắng mặt)

3.4. Ông Quách Đại P, sinh năm 1997 (vắng mặt)

3.5. Ông Quách Trần Thanh T3, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 46/1 ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: 36/20/1A DĐH, phường TT, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Quách Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2017; Biên bản hòa giải ngày 22/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Quách Văn T trình bày:

Cha mẹ của ông là ông Quách Văn R, chết ngày 18/6/2012 theo Trích lục khai tử số 273/TLKT-BS ngày 03/8/2017, đã được đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, số: 31/2012 ngày 19/6/2012 và bà Bùi Thị M, chết ngày 13/02/2002 theo Trích lục khai tử số 1181/TLKT-BS ngày 14/8/2017, đã được đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân phường M6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, số: 12/2002/TH ngày 18/02/2002.

Quá trình chung sống ông R và bà M đã tạo lập được tài sản là căn nhà 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5554/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc.

Cha mẹ ông có 05 người con chung:

1. Ông Quách Văn L, sinh năm 1960, chết ngày 14/02/2003 (Trích lục khai tử số 72/TLKT-BS ngày 04/3/2021, đã được đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh số: 12/2021 ngày 04/3/2021); ông L không có vợ con.

2. Ông Quách Văn T, sinh năm 1966

3. Ông Quách Văn T1, sinh năm 1962

4. Ông Quách Văn T, sinh năm 1974, chết ngày 28/02/2015 (Trích lục khai tử số 445/TLKT-BS ngày 14/12/2017, đã được đăng ký khai tử tại Ủy ban

nhân dân phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh số: 12/2015 ngày 02/3/2015); ông T4có con duy nhất tên Quách Trần Thanh T3, sinh năm 1998.

5. Ông Quách Minh H, sinh năm 1968, chết ngày 24/8/2008 (Trích lục khai tử số 447/TLKT-BS ngày 14/12/2017, đã được đăng ký khai tử tại Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh số: 37/2008 ngày 25/8/2008); có người thừa kế là con duy nhất tên Quách Hoàng Đ, sinh năm 1990.

Nay ông yêu cầu Tòa án xác định di sản thừa kế do cha mẹ của ông chết để lại là nhà đất số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, Phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về hàng thừa kế thì ông T, ông T1 là hàng thừa kế thứ nhất. Đối với ông Quách Hoàng Đ là con duy nhất của ông Quách Minh H, chết năm 2008 thì Ông H chết sau mẹ là bà M(chết năm 2002), chết trước cha là ông R (chết năm 2012) thì theo quy định ông Đ chỉ hưởng 1/3 di sản thừa kế của ông R để lại. Đối với ông Quách Trần Thanh T3 là con duy nhất của ông Quách Văn T, chết năm 2015 thì ông T4chết sau cha mẹ là ông R và bà M nên cháu là Quách Trần Thanh T3 không được hưởng thừa kế. Tuy nhiên, ông tự nguyện đồng ý cho ông Quách Hoàng Đ, ông Quách Trần Thanh T3 được hưởng mỗi người một phần thừa kế bằng với ông và ông T1. Do đó, ông đồng ý chia thừa kế căn nhà số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, Phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thành 04 phần thừa kế bằng nhau cho 04 thừa kế là ông Quách Văn T, Quách Văn T1, Quách Hoàng Đ, Quách Trần Thanh T3.

Ông T cho rằng, giá trị nhà cao hơn thực tế định giá rất nhiều, tuy nhiên ông đồng ý nhận 1/4 giá trị nhà thành tiền là 1.396.935.000 đồng (theo Biên bản định giá ngày 13/5/2021 định giá là 5.587.740.000 đồng), ông T1 phải thanh toán cho ông trong thời hạn 01 tháng. Trường hợp ông T1 không đồng ý thì yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án tuyên bán nhà chia, trường hợp không thỏa thuận bán được thì yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi để chia.

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/02/2022, bị đơn ông Quách Văn T1 ủy quyền cho ông Lê Văn Thắng đại diện trình bày:

Ông T1 xác nhận cha mẹ ông T1 là ông Quách Văn R, chết năm 2012 và bà Bùi Thị M, chết năm 2002. Trong quá trình chung sống ông R và bà M đã tạo lập được tài sản chung là căn nhà 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Cha mẹ ông T1 chết không để lại di chúc.

Cha mẹ ông T1 có 05 người con: Ông Quách Văn T, ông Quách Văn T1, ông Quách Văn T, chết năm 2015 (có con duy nhất tên Quách Trần Thanh T3, sinh năm 1998), ông Quách Minh H, chết 2008 (người thừa kế là con duy nhất tên Quách Hoàng Đ, sinh năm 1990) và Ông Quách Văn L, chết năm 2003 (ông L không có vợ con).

Nay đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thì phía ông T1 cũng thống nhất cho ông Quách Hoàng Đ, ông Quách Trần Thanh T3 được hưởng mỗi người một phần thừa kế bằng với ông T1 và ông T. Do đó, ông đồng ý chia

thừa kế căn nhà số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, Phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thành 04 phần thừa kế bằng nhau cho 04 thừa kế là ông Quách Văn T, Quách Văn T1, Quách Hoàng Đ, Quách Trần Thanh T3.

Trường hợp, ông T, ông Đ, ông T3 đồng ý cho ông T1 ghi giấy nợ số tiền chia thừa kế mỗi người 1.396.935.000 đồng, đồng thời từ chối nhận thừa kế để ông T1 đứng tên nhà thì sau đó ông T1 sẽ thế chấp vay Ngân hàng lấy tiền để thanh toán cho ông T, ông Đ và ông T3. Do hiện nay ông không có khả năng thanh toán số tiền theo như ông T yêu cầu.

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/02/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Hoàng Đ trình bày:

Ông là con duy nhất của ông Quách Minh H, sinh năm 1968, chết năm 2008. Cha ông có cha mẹ ruột là ông Quách Văn R (chết năm 2012) và bà Bùi Thị M (chết năm 2002). Ông R và bà Mcó 05 người con chung là ông Quách Văn T, ông Quách Văn T1, ông Quách Văn T (chết năm 2015), ông Quách Minh H (chết 2008), ông Quách Văn L, sinh năm 1960 (chết năm 2003). Ông xác nhận di sản thừa kế do ông bà nội ông chết để lại không có di chúc là căn nhà số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, Phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Về hàng thừa kế thì ông xác nhận ông là người thừa kế thế vị của cha ông là ông Quách Minh H, ông chỉ hưởng 1/3 di sản thừa kế của ông nội ông là ông Rđể lại.

Nay các bác là ông T và ông T1 cùng thống nhất cho ông hưởng một phần thừa kế bằng với các bác, cụ thể chia thừa kế căn nhà số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, Phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thành 04 phần thừa kế bằng nhau cho 04 thừa kế là ông Quách Văn T, Quách Văn T1, Quách Hoàng Đ, Quách Trần Thanh T3 thì ông xin nhận phần thừa kế, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/02/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Trần Thanh T3 trình bày:

Ông là con duy nhất của ông Quách Văn T, sinh năm 1974, chết năm 2015. Ông bà nội của ông là ông R và bà M chết không để lại di chúc. Theo ông được biết thì ông không có quyền thừa kế đối với di sản thừa kế do ông bà nội là ông Quách Văn R và bà Bùi Thị M chết để lại. Tuy nhiên, ông T, ông T1 và ông Đ cùng thống nhất cho ông hưởng 01 phần thừa kế bằng với các thừa kế khác thì ông xin nhận thừa kế và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 12/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Trong quá trình chung sống cha mẹ chồng bà là ông Quách Văn R và bà Bùi Thị M T1 lập được căn nhà số 46/1 ĐN, Phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2002, bà M chết. Năm 2008 em chồng là Quách Minh H chết, có con là Quách Hoàng Đ. Năm 2012, ông R chết không để lại di chúc nhưng trước khi chết ông R kêu chồng của bà là ông Quách Văn T mở tủ đưa giấy tờ nhà trước sự chứng kiến của ông T4và ông T, với dụng ý mong chồng tôi

giữ căn nhà để thờ phụng tổ tiên. Năm 2015, ông T4chết, có 01 người con là Quách Trần Thanh T3, do vợ chồng tôi nuôi.

Sau khi cha mẹ chồng chết, vì căn nhà quá xuống cấp nên năm 2015, vợ chồng tôi đã bỏ ra khoảng 500.000.000 đồng để sửa chữa nhà làm nơi thờ tự.

Ông T khi chưa lấy vợ thì ở với cha mẹ cùng các em chồng. Sau khi lấy vợ thì ra ở riêng bên vợ.

Đây là tranh chấp tài sản thừa kế giữa chồng tôi với các em chồng nên tôi không có ý kiến gì, vấn đề tiền bỏ ra để xây dựng, sửa chữa nhà tôi cũng không có ý kiến gì và trao lại toàn quyền cho chồng tôi quyết định. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại các Bản tự khai cùng ngày 12/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Ngọc Thanh T2 và ông Quách Đại P trình bày:

Bà Th và ông P là con của ông Quách Văn T1 và là cháu nội của ông Quách Văn R và bà Bùi Thị M. Đây là tranh chấp thừa kế giữa ba (ông T1) và chú (ông T) nên bà Th và ông P không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q trình bày:

Ông là con riêng của bà Bùi Thị M. Tuy nhiên ông không có giấy khai sinh để chứng minh ông là con của bà Mông. Do đó, ông từ chối nhận phần thừa kế đối với di sản của bà Mđể lại đối với nhà đất số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc chia thừa kế này các anh em tự quyết định, ông không có ý kiến hay bất kỳ yêu cầu gì, vụ án không liên quan đến ông, ông cam kết không thắc mắc hay tranh chấp gì về sau đối với di sản thừa kế của bà M để lại.

Tại bản án sơ thẩm số 193/2022/DS-ST ngày 21/7/2022, Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn T về yêu cầu chia thừa kế tài sản.

- Xác định di sản thừa kế của ông Quách Văn R và bà Bùi Thị M tại thời điểm mở thừa kế là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5554/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004).

- Xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Quách Văn R và bà Bùi Thị M là: Ông Quách Văn T, ông Quách Văn T1, ông Quách Hoàng Đ, ông Quách Trần Thanh T3.

- Xác định phân chia di sản theo pháp luật như sau: Giao Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 46/1 (số cũ 1/75/1) ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy

chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5554/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004) chia 04 (bốn) phần thừa kế bằng nhau cho ông Quách Văn T, ông Quách Văn T1, ông Quách Hoàng Đ, ông Quách Trần Thanh T3 sau khi đã trừ đi các chi phí thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Quách Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.908.050 đồng, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí 25.500.000 đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0009939 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông T còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 28.408.050 đồng.

- Ông Quách Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.908.050 đồng.

- Ông Quách Hoàng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.908.050 đồng, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí 25.500.000 đồng ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0010940 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Đ còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 28.408.050 đồng.

- Ông Quách Trần Thanh T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.908.050 đồng, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí 5.000.000 đồng ông T3 đã nộp theo Biên lai thu số 0070867 ngày 14/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông T3 còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 48.908.050 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/8/2022, ông Quách Văn T1 là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và ông Quách Văn T1 ủy quyền cho ông Lê Văn D đại diện kháng cáo cho rằng, cấp sơ thẩm chưa xem xét lập bản vẽ hiện trạng nhà, đất. Đồng thời, không xem xét đến phần công sức của ông T1 là gìn giữ nhà, nuôi dưỡng và chi phí ma chay, thờ cúng ông R và bà M là người để lại di sản nhà đất và chi phí do vợ chồng ông T1 bỏ ra sửa chữa nhà năm 2015 theo Giấy đăng ký sửa chữa, cải tạo công trình của ông T1 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú ngày 28/5/2015. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

+ Nguyên đơn ông Quách Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu y án sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Hoàng Đ yêu cầu y án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Theo Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 40/1998 quyển số 11/P16 ngày 06/5/1998 của Ủy ban nhân dân Phường M6, quận Tân Bình thể hiện: Bà Trần Thị H và ông Quách Văn T là vợ chồng. Ông Quách Văn T chết năm 2015. Bà Trần Thị H là vợ của ông Quách Văn T là hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông T4nhưng án sơ thẩm không triệu tập bà Hương vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Đồng thời, cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết yêu cầu của ông T1, yêu cầu công sức nuôi dưỡng, ma chay và thờ cúng ông Rvà bà M là người để lại di sản nhà, đất và chi phí sửa chữa nhà là chưa giải quyết triệt để vụ án.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn T1. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân quận Tân Phú để giải quyết lại theo trình tự thụ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q có đơn xin vắng mặt (bút lục số 71). Bà Nguyễn Thị B, bà Quách Ngọc Thanh T2, ông Quách Đại P, ông Quách Trần Thanh T3 đã được tống đạt tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 273/TLKT-BS ngày 03/8/2017 của Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú thể hiện: Ông Quách Văn R, sinh ngày 01/10/1937, chết ngày 18/6/2012 (bút lục số 107).

[3] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 1181/TLKT-BS ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân phường Tân Quý, quận Tân Phú thể hiện: Bà Bùi Thị M, sinh ngày 18/5/1935, chết ngày 13/02/2002 (bút lục số 108).

[4] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 72/TLKT-BS ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú thể hiện: Ông Quách Văn L, sinh ngày 23/3/1960, chết ngày 14/02/2003 (bút lục số 110).

[5] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 447/TLKT-BS ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú thể hiện: Ông Quách Minh H, sinh ngày 10/11/1968, chết ngày 24/8/2008 (bút lục số 106).

[6] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 445/TLKT-BS ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú thể hiện: Ông Quách Văn T, sinh ngày 15/7/1974, chết ngày 28/02/2015 (bút lục số 109).

[7] Theo Giấy khai sinh (bản sao) số 73/1990 quyển số 3/16 ngày 09/5/1990 thể hiện: Ông Quách Hoàng Đ, sinh ngày 25/3/1990, có mẹ là bà Nguyễn Thị Kim Loan và cha là ông Quách Minh H (bút lục số 190).

[8] Theo Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 40/1998 quyển số 11/P16 ngày 06/5/1998 của Ủy ban nhân dân Phường M6, quận Tân Bình thể hiện: Họ tên vợ Trần Thị H và họ tên chồng Quách Văn T (bút lục số 202).

[9] Theo Sổ hộ khẩu gia đình số 100054479, chủ hộ bà Bùi Thị M và bà Trần Thị H, là con dâu chủ hộ (bút lục số 203).

[10] Theo Giấy khai sinh (bản sao) ngày 31/8/1998 thể hiện: Ông Quách Trần Thanh T3, sinh ngày 28/6/1998, có mẹ là bà Trần Thị H và cha là ông Quách Văn T (bút lục số 192).

[11] Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5554/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 18/10/2004 thể hiện: Ông Quách Văn R và bà Bùi Thị M (chết năm 2002) là chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại số 1/75/1 SN, phường SN, quận Tân Phú (bút lục số 176).

[12] Theo Quyết định về điều chỉnh số nhà số 14812/QĐ-UBND ngày 16/01/2006 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú có nội dung: Điều chỉnh số nhà cũ: 1/75/1 SN cho căn nhà xác định tại vị trí thửa số 40, tờ bản đồ số 64 theo Bản đồ địa chính chính quy 2005 phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nhằm thửa số 40, tờ bản đồ số 64 theo Bản đồ địa chính chính quy 2000 Phường M6, quận Tân Bình cũ). Số nhà mới: số 46/1 ĐN, phường SN, quận Tân Phú (bút lục số 105).

[13] Xét, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5554/2004 do Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp ngày 18/10/2004, Quyết định về điều chỉnh số nhà số 14812/QĐ-UBND ngày 16/01/2006 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định nhà đất tọa lạc tại số 1/75/1 SN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 46/1 ĐN, phường SN, quận Tân Phú), là tài sản của ông Quách Văn R (chết ngày 18/6/2012) và bà Bùi Thị M (chết ngày 13/02/2002). Do đó, di sản của ông R và bà M chết để lại là di sản nhà đất tọa lạc tại số 46/1 ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[14] Căn cứ các Giấy khai sinh của ông Quách Văn T, ông Quách Văn T, Công văn về việc trả lời xác minh số 557/BC-CAKV ngày 11/11/2020 của Công an phường SN, quận Tân Phú và lời trình bày của các đương sự thống nhất: Ông Quách Văn R và bà Bùi Thị M có 05 người con: Ông Quách Văn L, sinh năm 1960 (chết năm 2003, độc thân), ông Quách Văn T1, sinh năm 1962, ông Quách Văn T, sinh năm 1966, ông Quách Minh H, sinh năm 1968 (chết năm 2008, có con là Quách Hoàng Đ, sinh năm 1990) và ông Quách Văn T, sinh năm 1974 (chết năm 2015, có con là Quách Trần Thanh T3, sinh năm 1998).

[15] Ông R , bà Mông, ông Lập, Ông H và ông T4chết không để lại di chúc.

[16] Xét, bà Bùi Thị M, chết ngày 13/02/2002, nên thời điểm mở thừa kế của bà M là ngày 13/02/2002 theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà M là chồng và các con của bà M là ông Quách Văn R, ông Quách Văn L, ông Quách Văn T1, ông Quách Văn T, ông Quách Minh H, và ông Quách Văn T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015). Do đó, ông Quách Văn R, ông Quách Văn L, ông Quách Văn T1, ông Quách Văn T, ông Quách Minh H, và ông Quách Văn T là những người được hưởng di sản của bà M chết để lại là ½ giá trị nhà đất tọa lạc tại số 46/1 ĐN, phường SN, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[17] Ông Quách Văn L, chết ngày 14/02/2003, không có vợ con, nên thời điểm mở thừa kế của ông L ngày 14/02/2003 theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông L là ông Quách Văn R (là cha đẻ của ông Lập). Do đó, ông Quách Văn R là người được hưởng di sản của ông L để lại là phần ông L được hưởng thừa kế di sản từ bà Mông.

[18] Ông Quách Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Loan, có quan hệ tình cảm, không có đăng ký kết hôn ((không có thời gian chung sống với nhau), có một người con chung là Quách Hoàng Đ, sinh năm 1990 và sau khi sinh ông Đ thì bà L đã lập gia đình khác. Như vậy, ông Quách Minh H, chết ngày 24/8/2008, nên thời điểm mở thừa kế của Ông H là ngày 24/8/2008. Ông H có cha đẻ là ông Quách Văn R và con đẻ là Quách Hoàng Đ, là hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của Ông H .

[19] Ông Quách Văn R, chết ngày 18/6/2012, nên thời điểm mở thừa kế của ông R là ngày 18/6/2012 theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật còn lại là ông ông Quách Văn T1, ông Quách Văn T, ông Quách Văn T. Đồng thời, do ông Quách Văn H (là con của ông R) chết trước ông Quách Văn R, nên ông Quách Hoàng Đ là cháu của ông R (con của Ông H) là thừa kế thế vị được hưởng phần di sản của ông R theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015).

[20] Ông ông Quách Văn T chung sống với bà Trần Thị H có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 40/1998 quyển số 11/P16 ngày 06/5/1998 của Ủy ban nhân dân Phường M6, quận Tân Bình) và có chung một người con là ông Quách Trần Thanh T3. Ông Tuấn, chết ngày 28/02/2015, nên thời điểm mở thừa kế của ông T4là ngày 28/02/2015 theo quy định tại khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông T4là bà Trần Thị H (vợ) và ông Quách Trần Thanh T3 (con). Do đó, bà Hương và ông T3 là những người được được hưởng di sản thừa kế từ ông T4(là phần di sản mà ông T4được hưởng từ bà M và ông R).

[21] Xét, đây là vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét công sức chăm sóc người để lại di sản và việc tôn tạo sửa chữa nhà. Cấp sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu của ông T1 về công sức gìn giữ nhà, chăm sóc và chi phí ma chay cho người để

lại di sản và việc tôn tạo, sửa chữa nhà là giải quyết chưa triệt để vụ án nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông Quách Văn T1 có cung cấp Giấy đăng ký sửa chữa, cải tạo công trình của ông Quách Văn T1 với nội dung: nâng nền 0,5m, sửa lại hàng rào và nhà bếp, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường SN, quận Tân Phú ngày 28/5/2015 và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông T1 trình bày, năm 2015 ông T1 sửa chữa nhà tổng cộng là 460.000.000 đồng có người làm chứng là ông Huỳnh Vũ Minh, thầu sửa chữa nhà, đây là tình tiết mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận Tân Phú để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[22] Ngoài ra, khi giải quyết lại cấp sơ thẩm xem xét đưa những người thừa kế của Ông H và ông T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, thu thập chứng cứ để xác định bà L và Ông H có phải là vợ chồng hay không? Thu thập chứng cứ việc sửa chữa nhà, thẩm định việc sửa chữa nhà của bị đơn… để giải quyết các yêu cầu của các đương sự trong vụ án.

[23] Như đã nhận định trên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và ông Quách Văn T1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, với lý do cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức của ông T1 trong việc gìn giữ nhà, chăm sóc và chi phí ma chay cho người để lại di sản và số tiền bỏ ra sửa chữa nhà là có căn cứ nên chấp nhận.

[24] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn T1. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân quận Tân Phú để giải quyết lại theo trình tự thụ tục sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[25] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Quách Văn T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 và khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn T1.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 193/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận Tân Phú để giải quyết lại theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Quách Văn T1 không phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho ông Quách Văn T1 theo biên lai thu số 0036061 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- TAND quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (T/.21)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường